TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 493/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 04 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 534/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Bùi Dũng T, sinh năm 1964, căn cước công dân số: 040064030194. Địa chỉ: B Đ, phường V, thành phố H.

2. Bà Hồng Bích N, sinh năm 1964, căn cước công dân số 046164013661. Địa chỉ: B Đ, phường V, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Dũng T và bà Hồng Bích N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND phường P, thành phố H) vào ngày 08/01/1996. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Bùi Dũng T, bà Hồng Bích N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Bùi Dũng T và bà Hồng Bích N.

[2] Về con chung: Ông Bùi Dũng T và bà Hồng Bích N xác nhận có 03 con chung là Bùi Hồng Thiên P, sinh ngày 13/11/1996; Bùi Hồng Thiên A, sinh ngày 18/07/2000 và Bùi Hồng Thiên B, sinh ngày 16/11/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Dũng T và bà Hồng Bích N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Bùi Dũng T và bà Hồng Bích N được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 7 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Dũng T và bà Hồng Bích N.

- Về con chung: Ông Bùi Dũng T và bà Hồng Bích N xác nhận có 03 con chung là Bùi Hồng Thiên P, sinh ngày 13/11/1996; Bùi Hồng Thiên A, sinh ngày 18/07/2000 và Bùi Hồng Thiên B, sinh ngày 16/11/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Dũng T và bà Hồng Bích N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Dũng T và bà Hồng Bích N được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 – Huế;
- UBND phường Phú Xuân, TP Huế;
(GCNKH số: 01, ngày 08/01/1996);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng